

NGUYỄN THỊ QUYÊN – LƯƠNG THỊ BÌNH

MODULE MN

14

**PHƯƠNG PHÁP TƯ VẤN
VỀ GIÁO DỤC MẦM NON
CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Giáo dục mầm non (GDMN) là bậc học mang đặc tính xã hội hoá cao, để thực hiện có hiệu quả quyền được chăm sóc giáo dục của trẻ em ở lứa tuổi này, cần thiết có sự tham gia và phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường – gia đình – xã hội.

Sự phối kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội tạo nên sự liên kết giữa trường/lớp mầm non, cha mẹ và cộng đồng, nhằm chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình chăm sóc – giáo dục (CS – GD) trẻ, đáp ứng kịp thời những nhu cầu phát triển của trẻ về các mặt thể chất, tinh thần, nhận thức, tình cảm, thẩm mỹ, ngôn ngữ, giao tiếp ứng xử, giáo dục cá biệt... tạo các điều kiện tối ưu cho việc thực hiện có hiệu quả mục tiêu CS – GD trẻ.

Các tổ chức xã hội nói riêng, cộng đồng xã hội nói chung có vai trò rất quan trọng trong hoạt động CS – GD trẻ mầm non. Các tổ chức xã hội tại địa phương tạo môi trường văn hoá, xã hội, kinh tế, đạo đức, pháp luật... thuận lợi cho hoạt động CS – GD trẻ; góp phần đảm bảo cho trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách; tác động trực tiếp tới từng gia đình, giúp đỡ và cùng họ thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và Nhà nước trong công tác bảo vệ CS – GD trẻ em.

Chăm sóc và giáo dục trẻ em được trường mầm non chia sẻ trách nhiệm với gia đình và cộng đồng để thúc đẩy và tạo điều kiện tối ưu cho việc chăm sóc và giáo dục trẻ em. Luật Giáo dục đã quy định: Nhà trường có trách nhiệm chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Vì vậy, việc tuyên truyền, phổ biến, tham mưu, tư vấn cho các tổ chức xã hội về GDMN là một trong những nhiệm vụ của giáo viên mầm non.

Tài liệu này nhằm hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên mầm non tự bồi dưỡng để tiếp cận với công tác tư vấn nói chung, tư vấn cho các tổ chức xã hội nói riêng. Đây là một trong những nội dung cần thiết đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo khẳng định trong công tác bồi dưỡng thường xuyên, phát triển nghề nghiệp, nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên mầm non.

Module *Tư vấn về giáo dục mầm non cho các tổ chức xã hội* là một module tự học có hướng dẫn. Các nội dung học tập được thiết kế theo một cấu trúc thống nhất để người học dễ dàng tiếp cận. Các hoạt động trong từng

vấn đề dẫn dắt người học đi từ những kinh nghiệm đã có đến tiếp thu những cái mới bằng cách tự nghiên cứu và so sánh với thông tin được cung cấp trong phần thông tin phản hồi, đồng thời trao đổi, thảo luận với các đồng nghiệp. Những thông tin phản hồi được cung cấp xuyên suốt trong tài liệu nhằm giúp người học tự so sánh và nhận thấy được những tiến bộ của mình trong quá trình bồi dưỡng thường xuyên. Những bài tập phát triển kĩ năng trong phần thực hành giúp người học áp dụng những điều đã học vào thực tế công tác tư vấn cho các tổ chức xã hội về công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

Trong các module trước đã phân tích hoạt động tư vấn của giáo viên mầm non về chăm sóc, giáo dục mầm non cho các bậc cha mẹ. Vấn đề đặt ra là: “Để hoạt động CS – GD trẻ trong trường mầm non đạt kết quả, GVMN cần làm gì để thực hiện tốt nhiệm vụ tư vấn về giáo dục mầm non cho các tổ chức xã hội?”



B. MỤC TIÊU

I. MỤC TIÊU CHUNG

Module này nhằm bước đầu trang bị cho giáo viên mầm non một số kiến thức và kĩ năng tư vấn về giáo dục mầm non cho các tổ chức xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu, nguyên lí giáo dục.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

Sau khi nghiên cứu module này, bạn cần đạt được các mục tiêu sau:

1. **Về kiến thức:** Nắm được những vấn đề cơ bản về mục tiêu, nội dung và phương pháp tư vấn về giáo dục mầm non cho các tổ chức xã hội.
2. **Về kĩ năng:** Lựa chọn nội dung, vận dụng được phương pháp tư vấn cho các tổ chức xã hội phù hợp với đối tượng tư vấn và điều kiện thực tế.
3. **Về thái độ:** Nhiệt tình và kiên trì trong công tác tư vấn về giáo dục mầm non cho các tổ chức xã hội. Có ý thức cập nhật thông tin để nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn.



C. NỘI DUNG

Hoạt động tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội là một quá trình có định hướng trong mối quan hệ tương tác giữa người tư vấn (GVMN) và người được tư vấn (cán bộ của các tổ chức xã hội), trong đó GVMN sử dụng sự nhận thức và kiến thức của mình về GDMN, nhằm giúp người được tư vấn nâng cao nhận thức, mở rộng hiểu biết về GDMN, giúp họ có khả năng tổ chức thực hiện vai trò trách nhiệm của mình góp phần nâng cao chất lượng CS – GD trẻ mầm non.

Trước khi tìm hiểu về các nội dung của module này, bạn nên nghiên cứu kĩ module MN10, đặc biệt là phần khái niệm về tư vấn.

Trong module này chúng ta sẽ không thảo luận sâu về khái niệm tư vấn mà chúng ta dành thời gian để nghiên cứu, thảo luận về những nội dung chính của module. Cụ thể là những nội dung sau:

Phần	Nội dung	Thời gian
I	Vai trò, trách nhiệm của các tổ chức xã hội đối với sự phát triển GDMN	1 tiết
II	Nội dung tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội	9 tiết
III	Phương pháp, hình thức tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội	2 tiết
IV	Thực hành tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội	2 tiết
V	Kiểm tra, đánh giá toàn bộ module	1 tiết

PHẦN I. VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON (1 tiết)

Hoạt động 1. Tìm hiểu vai trò tư vấn của giáo viên mầm non

Bạn tìm đọc những tài liệu về tư vấn cho các tổ chức xã hội về giáo dục mầm non, hoặc chia sẻ với đồng nghiệp để trả lời câu hỏi sau:

Vì sao giáo viên mầm non phải thực hiện công tác tư vấn cho các tổ chức xã hội?

Bạn hãy đối chiếu nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự điều chỉnh nội dung trả lời câu hỏi.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Chúng tôi tin rằng với vốn kinh nghiệm thực tế trong quá trình công tác tại trường mầm non địa phương, bạn và các đồng nghiệp có thể đưa ra nhiều ý kiến giải thích vì sao GVMN phải thực hiện công tác tư vấn cho các tổ chức xã hội.

Tuy nhiên, chúng tôi vẫn muốn đưa ra một số thông tin để bạn tham khảo.

Giáo viên mầm non cần phải thực hiện công tác tư vấn cho các tổ chức xã hội là vì:

1. Nhiệm vụ của trường mầm non và của giáo viên mầm non được quy định trong các văn bản pháp quy của Nhà nước (Luật Giáo dục, Điều lệ Trường mầm non,...)

Điều 93 Luật Giáo dục 2005 quy định về trách nhiệm của nhà trường: Nhà trường có trách nhiệm chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Điều 46 Điều lệ Trường mầm non quy định về trách nhiệm của nhà trường cần phối hợp với cơ quan, các tổ chức chính trị – xã hội và cá nhân có liên quan nhằm:

- Tuyên truyền phổ biến kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ cho cha mẹ và cộng đồng; thực hiện phòng bệnh, khám sức khoẻ định kì cho trẻ em trong nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập.
- Huy động các nguồn lực của cộng đồng chăm lo sự nghiệp GDMN; góp phần xây dựng cơ sở vật chất; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn; tạo điều kiện để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Điều 35 Điều lệ Trường mầm non quy định giáo viên có nhiệm vụ thực hiện các nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quy định của nhà trường, quyết định của hiệu trưởng. Như vậy, việc thực hiện công tác tư vấn cho các tổ chức xã hội về giáo dục mầm non là một trong những nhiệm vụ của GVMN do hiệu trưởng thay mặt nhà trường giao phó.

2. Việc tăng cường sự phối hợp giữa các ban ngành, tổ chức, đoàn thể xã hội góp phần thúc đẩy sự phát triển giáo dục mầm non

Để khắc phục những khó khăn thách thức đặt ra cho giáo dục mầm non hiện nay như kinh phí đầu tư còn quá hạn hẹp so với yêu cầu phát triển, cơ sở vật chất trang thiết bị trường lớp còn lạc hậu và thiếu thốn đặc biệt ở những vùng khó khăn, giáo viên thiếu, chất lượng giáo dục toàn diện còn có quá nhiều chênh lệch giữa các vùng lãnh thổ, nhận thức về nuôi dạy con cái một cách khoa học của đại bộ phận các cha mẹ trẻ ở vùng khó khăn còn hạn chế... thì các cơ sở GDMN cần phải tăng cường tổ chức các hoạt động tư vấn, tạo được mối liên kết phối hợp giữa các ban ngành, tổ chức, đoàn thể xã hội để tuyên truyền phổ biến kiến thức CS – GD trẻ cho các bậc cha mẹ, tác động mạnh mẽ vào ý thức của xã hội làm

thay đổi về nhận thức, về cách làm giáo dục của mọi thành phần trong toàn xã hội, nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục nói chung, giáo dục mầm non nói riêng một cách nhanh, mạnh, hiệu quả và bền vững.

3. Các tổ chức xã hội có nhu cầu tìm hiểu về giáo dục mầm non nhằm thực hiện vai trò, trách nhiệm đối với sự phát triển giáo dục mầm non

Các tổ chức xã hội tại địa phương bao gồm các tổ chức chính trị, kinh tế xã hội như: Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Mặt trận Tổ quốc, Hội Khuyến học, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi, Ban Đại diện phụ huynh, Hội Nông dân,...

Các tổ chức xã hội có vai trò quan trọng trong việc tạo môi trường văn hoá, xã hội, kinh tế, đạo đức, pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho trường mầm non trong công tác CS – GD trẻ. Trong quá trình tổ chức hoạt động, các tổ chức xã hội có nhu cầu tìm hiểu về giáo dục mầm non để có cơ sở khoa học, cơ sở pháp lí nhằm tác động trực tiếp tới từng gia đình, giúp đỡ và cùng gia đình, nhà trường thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

- Hoạt động 2. Tìm hiểu vai trò của các tổ chức xã hội trong phát triển giáo dục mầm non

Bạn trao đổi ý kiến cùng đồng nghiệp và bằng hiểu biết của bản thân hãy viết và suy nghĩ của mình để trả lời câu hỏi sau:

Các tổ chức xã hội có vai trò trách nhiệm như thế nào trong phát triển giáo dục mầm non tại địa phương?

Bạn hãy đối chiếu nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự điều chỉnh nội dung trả lời câu hỏi.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Các quy định trong các văn bản pháp luật

Mô hình hoạt động của các cơ sở GDMN ở Việt Nam và trên thế giới đều cho thấy rằng GDMN gắn chặt với các sinh hoạt của cộng đồng, cần sự tham gia và phối hợp của các tổ chức xã hội, gia đình và cộng đồng. Trong đó giáo dục là đầu mối liên kết các ngành khác nhằm thực hiện có hiệu quả công tác CS – GD trẻ, còn các tổ chức xã hội khác có vai trò, trách nhiệm tham gia tích cực vào công tác phát triển GDMN.

Hiến pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến trẻ em đều thể hiện rõ quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về trách nhiệm của gia đình, xã hội và Nhà nước trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em (Luật Giáo dục, Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em,...). Đồng thời, nhiều văn bản pháp quy của Nhà nước cũng quy định rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan tổ chức, các lực lượng xã hội trong công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, đặc biệt đối với trẻ mầm non.

Các tổ chức xã hội không những chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế – xã hội, bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, đảm bảo việc thực hiện đầy đủ quyền của trẻ em mà theo quy định còn có trách nhiệm to lớn trong việc phối hợp với gia đình, thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhằm tạo nên phong trào của toàn xã hội trong việc phát triển phúc lợi xã hội cho trẻ em, tham gia cung cấp các dịch vụ chăm sóc, trợ giúp trẻ em, bảo đảm về số lượng và chất lượng của dịch vụ đó.

Từ tháng 6/2004, Quốc hội đã sửa đổi Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em nhằm tăng cường tính hiệu lực, làm rõ trách nhiệm của Chính

phủ, các bộ, ban ngành và các tổ chức trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Luật nêu rõ Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em (CPFC)¹ có trách nhiệm giúp Chính phủ quản lý chung trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. CPFC phối hợp với các bộ, ban ngành và các tổ chức để bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Văn hoá – Thông tin, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và các cơ quan, tổ chức khác có chức năng quản lý nhà nước thực hiện việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em theo sự phân công của Chính phủ. Ủy ban Nhân dân các cấp có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ở địa phương.

2. Vai trò, trách nhiệm của các tổ chức xã hội đối với sự phát triển giáo dục mầm non

Mỗi tổ chức xã hội có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tùy theo phạm vi chức năng, nhiệm vụ, sở trường, năng lực riêng, điều quan trọng là mỗi thành viên trong tổ chức đó phải tự giác tham gia một cách có hiệu quả nhất vào công tác tuyên truyền phát triển GDMN.

Hội Phụ nữ: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là tổ chức chính trị – xã hội tập hợp rộng rãi các tầng lớp phụ nữ. Hội có chức năng vận động, tổ chức, hướng dẫn phụ nữ thực hiện chủ trương của Đảng và tham gia quản lý nhà nước.

Hội Phụ nữ tại địa phương có vai trò, trách nhiệm:

- Nâng cao nhận thức và năng lực của phụ nữ, của nhân dân để họ tham gia tích cực vào việc tổ chức, quản lý thực hiện các hoạt động CS–GD trẻ, huy động các gia đình đưa trẻ trong độ tuổi đến lớp, đến các cơ sở giáo dục mầm non.

GDMN không mang tính bắt buộc đối với người học, do đó tỉ lệ huy động trẻ đến lớp phụ thuộc vào nhận thức của cộng đồng và gia đình. Các nguồn lực bảo đảm cho trẻ được CS – GD tại các cơ sở GDMN hầu hết do các cha mẹ đóng góp. Vì vậy cần tuyên truyền, vận động các gia đình và các thành viên trong cộng đồng thấy được tầm quan trọng của việc CS – GD trẻ từ sớm (từ khi lọt lòng – thậm chí từ trong bụng mẹ) động viên, khuyến

¹ Ngày 8/8/2007, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em giải thể theo Quyết định số 1001/QĐ-TTg, và chuyển các chức năng của Ủy ban này sang các bộ có liên quan: Bộ Y tế, Bộ Văn hoá – Thể thao và Du lịch và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

khích các gia đình tự nguyện đưa con em đến gửi và tham gia đầy đủ nghĩa vụ đóng góp về vật chất và tinh thần theo yêu cầu của các cơ sở GDMN và tiếp cận với các dịch vụ GDMN công lập và ngoài công lập. Điều đó sẽ đem lại lợi ích cho con cái đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người phụ nữ thực hiện quyền bình đẳng của mình.

- Vận động hội viên cùng đội ngũ giáo viên mầm non thực hiện công tác phổ biến kiến thức và kỹ năng nuôi dạy trẻ dưới 6 tuổi cho các bậc cha mẹ và cộng đồng (cho trẻ ăn đủ chất dinh dưỡng, cách chế biến các bữa ăn đủ dinh dưỡng cho trẻ từ thực phẩm sẵn có của gia đình, địa phương; đưa trẻ đi tiêm chủng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; theo dõi biểu đồ tăng trưởng để phát hiện trẻ còi xương, suy dinh dưỡng hoặc béo phì; đảm bảo an toàn về thể chất và tâm lý cho trẻ; biết cách phòng tránh các bệnh thông thường như tiêu chảy, viêm đường hô hấp...). Vận động các ban ngành, các tổ chức kinh tế,... đầu tư cơ sở vật chất thiết bị cho GDMN.
- Tổ chức phát thanh các vấn đề về: các kiến thức khoa học nuôi dạy trẻ, tình hình trẻ mầm non đến trường, hoạt động của trường mầm non,...
- Tổ chức các buổi nói chuyện về các chuyên đề chăm sóc sức khoẻ và giáo dục trẻ cho cha mẹ và cộng đồng.
- Tham gia tổ chức một số hội thi "Nuôi con khoẻ, dạy con ngoan", hội thi "Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo",...
- Tham gia tổ chức câu lạc bộ: "Câu lạc bộ nữ thanh niên", "Câu lạc bộ không sinh con thứ ba", "Câu lạc bộ nữ công nhân nhà trọ". Khuyến khích các bà mẹ tương lai (nữ thanh niên chuẩn bị thành lập gia đình) học tập các kiến thức và kỹ năng làm mẹ; tổ chức sinh hoạt, vui chơi, tuyên truyền về nuôi con khoẻ, dạy con ngoan, lịch tiêm chủng cho trẻ em con nữ công nhân nhập cư,...
- Hỗ trợ các nhóm trẻ gia đình, nhóm lớp mầm non tư thục.
- Đưa tiêu chí của hoạt động tuyên truyền GDMN vào thành một trong các chỉ tiêu thi đua của các chi hội và có hình thức khen thưởng kịp thời đối với những đơn vị làm tốt.
- * *Hội Khuyến học* là tổ chức tự nguyện của những người tâm huyết với sự nghiệp "trồng người" tích cực tham gia xã hội hoá giáo dục, góp sức phấn đấu cho phong trào "toàn dân học tập, toàn dân tham gia làm giáo dục" nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

Tại địa phương, Hội Khuyến học là một trong những tổ chức nòng cốt thúc đẩy hoạt động xã hội hoá GDMN:

- Với vị trí vai trò của mình, Hội Khuyến học phối hợp với các tổ chức khác (Hội Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên,...) tuyên truyền động viên toàn xã hội tích cực đóng góp về vật chất và tinh thần nhằm phát triển giáo dục mầm non, tạo điều kiện cho mọi trẻ em lứa tuổi mầm non được đến trường, mọi trẻ được hưởng chế độ chính sách của Nhà nước chăm lo cho trẻ thơ; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của đội ngũ cán bộ giáo viên mầm non nhằm khuyến khích họ tổ chức thực hiện tốt hoạt động CS – GD trẻ.
 - Hội viên tham gia với tư cách là báo cáo viên, tuyên truyền viên trong việc phổ biến kiến thức và kĩ năng nuôi dạy trẻ dưới 6 tuổi cho các bậc cha mẹ và cộng đồng.
 - Vận động các bậc cha mẹ và cộng đồng tích cực tham gia các buổi học tập hoặc hưởng ứng các hoạt động khác của công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức và kĩ năng CS – GD trẻ dưới 6 tuổi.
 - Vận động hội viên tham gia trong việc huy động trẻ đến trường lớp mẫu giáo, hỗ trợ công tác tổ chức hoạt động của các nhóm trẻ gia đình, nhóm lớp mầm non tư thục.
 - Tham gia tổ chức các hội thi “Ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo”...
 - Tổ chức phát động một số phong trào “Gia đình hiếu học”, “Dòng họ khuyến học”...
- * *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận trong hệ thống chính trị của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Đây là tổ chức ngoại vi của Đảng Cộng sản Việt Nam, tập hợp các đoàn thể không trực thuộc Đảng.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày nay là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị – xã hội – nghề nghiệp, các tổ chức xã hội, các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài.

Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em quy định về vai trò trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong sự nghiệp GDMN, tại khoản 1 Điều 34 quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên như sau:

- a) Tuyên truyền giáo dục đoàn viên, hội viên và nhân dân chấp hành tốt pháp luật về trẻ em;
- b) Vận động gia đình, xã hội thực hiện tốt việc bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em;
- c) Chăm lo quyền lợi của trẻ em, giám sát và chấp hành pháp luật về trẻ em, đưa ra những kiến nghị cần thiết đối với các cơ quan nhà nước hữu quan để thực hiện những nhiệm vụ đó; ngăn ngừa những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em.

* *Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh*

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị – xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và rèn luyện. Đoàn phối hợp với các cơ quan nhà nước, các đoàn thể và tổ chức xã hội, các tập thể lao động và gia đình chăm lo giáo dục, đào tạo và bảo vệ thanh thiếu nhi; tổ chức cho đoàn viên, thanh niên tích cực tham gia vào việc quản lý nhà nước và xã hội.

Tại địa phương, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tham gia:

- Tổ chức phát động phong trào đóng góp công sức lao động xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở GDMN, làm đồ chơi, đồ dùng học tập cho trẻ mầm non.
- Tuyên truyền phổ biến kiến thức CS – GD trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng; hỗ trợ tổ chức các buổi tuyên truyền; động viên các thành viên của mình tham dự các buổi phổ biến kiến thức;...
- Tổ chức “Câu lạc bộ tiền hôn nhân”: Cùng trao đổi, phổ biến về các kiến thức liên quan đến hôn nhân, gia đình, chăm sóc phụ nữ mang thai,...
- Tổ chức “Câu lạc bộ gia đình trẻ”: Cùng chia sẻ kinh nghiệm xây dựng gia đình hạnh phúc, phổ biến về các kiến thức, kĩ năng về chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc giáo dục con cái.

* *Hội Nông dân và các tổ chức khác (Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi,...)* tạo thành một lực lượng hùng hậu, rộng khắp ủng hộ tích cực cho sự nghiệp phát triển GDMN của địa phương. Vận động hội viên tham gia huy động trẻ đến trường mẫu giáo, hỗ trợ công tác tổ chức hoạt động của các nhóm trẻ gia đình, nhóm lớp mầm non tư thục. Tham mưu với chính quyền địa phương tạo điều kiện cấp đất có mặt bằng phù hợp với nhu cầu của trường mầm non, có đất làm VAC để bổ sung chất dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày cho trẻ, tạo môi trường xanh, sạch, đẹp.

PHẦN II. NỘI DUNG TƯ VẤN VỀ GIÁO DỤC MẦM NON CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI (9 tiết)

II.1. KHÁI NIỆM VỀ MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG TƯ VẤN VỀ GIÁO DỤC MẦM NON CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI

Hoạt động 1. Tìm hiểu mục tiêu tư vấn về giáo dục mầm non cho các tổ chức xã hội

Theo bạn, mục tiêu tư vấn về giáo dục mầm non cho các tổ chức xã hội là gì ?

Bạn hãy chia sẻ với đồng nghiệp, liên hệ với thực tế và viết ra suy nghĩ của mình dưới đây.

Bạn đối chiếu nội dung vừa viết và những thông tin dưới đây để bổ sung, hoàn thiện nội dung trả lời câu hỏi.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Thực hiện tốt công tác tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội sẽ tạo nên sự phối hợp đồng thuận giữa nhà trường và xã hội, góp phần phát triển bậc học GDMN nhằm thực hiện mục tiêu chung, hình thành và phát triển những nét nhân cách đầu tiên hướng đến sự phát triển toàn diện trẻ.

Hoạt động tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội nhằm mục tiêu:

- 1) Đáp ứng nhu cầu cần tư vấn của các tổ chức xã hội tại địa phương về GDMN;
- 2) Nâng cao nhận thức của các tổ chức xã hội về GDMN, về quyền trẻ em, trách nhiệm bảo vệ trẻ em trong giai đoạn hiện nay;
- 3) Tăng cường sự hỗ trợ phát triển GDMN phù hợp với vai trò trách nhiệm của các tổ chức xã hội.

Hoạt động 2. Xác định nội dung tư vấn về giáo dục mầm non cho các tổ chức xã hội

Theo bạn, cần dựa trên những căn cứ nào để xác định nội dung tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội?

(Hãy liệt kê những nội dung GDMN có thể tư vấn cho các tổ chức xã hội.)

Bạn hãy ghi vào vở học tập của bạn và chia sẻ với đồng nghiệp, liên hệ với thực tế, sau đó đối chiếu với thông tin phản hồi để bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện kết quả hoạt động của bạn.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Những căn cứ để xác định nội dung tư vấn về giáo dục mầm non cho các tổ chức xã hội

- Căn cứ vào vai trò và trách nhiệm của các tổ chức xã hội đối với GDMN.
- Căn cứ vào nhu cầu cần được tư vấn về GDMN của từng tổ chức xã hội.
- Căn cứ vào trách nhiệm của nhà trường mầm non phối hợp với cơ quan, các tổ chức chính trị – xã hội được quy định tại Luật Giáo dục và Điều lệ Trường mầm non.

2. Nội dung tư vấn về giáo dục mầm non cho các tổ chức xã hội

Về GDMN có rất nhiều nội dung, tuy nhiên để tư vấn cho các đối tượng làm việc trong các tổ chức xã hội bạn có thể lựa chọn một số nội dung phù hợp. Để lựa chọn nội dung tư vấn trước hết bạn cần tìm hiểu đối tượng thuộc tổ chức xã hội nào? Đối tượng có nhu cầu tư vấn về vấn đề

gì? (điều này có thể xác định rõ thông qua phương pháp điều tra phỏng vấn – xem phần: Phương pháp, hình thức tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội).

2.1. Một số nội dung cụ thể chuyên sâu của giáo dục mầm non căn tư vấn cho các tổ chức xã hội

Đối với những nội dung cụ thể chuyên sâu liên quan đến hoạt động CS – GD trẻ mầm non như:

- Đặc điểm phát triển của trẻ ở lứa tuổi mầm non: sự phát triển của bộ não ở trẻ nhỏ, các nhu cầu cơ bản của trẻ ở lứa tuổi này.
- Kiến thức và kĩ năng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ: cách chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng (chế biến thực phẩm, khẩu phần ăn), cách chăm sóc khi trẻ ốm, bảo vệ an toàn cho trẻ, cách phòng bệnh,...
- Phương pháp giáo dục, kích thích sự phát triển của trẻ nhỏ: phát triển ngôn ngữ, tình cảm – xã hội, nhận thức, rèn nề nếp, thói quen, các quy tắc hành vi, kĩ năng sống, cách chơi với trẻ,...

Trong module này, chúng tôi không đi sâu phân tích những nội dung trên. Bạn có thể nghiên cứu kĩ các nội dung này trong các module như MN10, MN11 và MN12.

2.2. Một số nội dung liên quan đến những vấn đề chung của giáo dục mầm non căn tư vấn cho các tổ chức xã hội

Trong module này chúng tôi chủ yếu đề cập đến một số nội dung liên quan đến những vấn đề chung như một số quy định của Luật Giáo dục liên quan đến GDMN; chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển GDMN;... Chúng tôi hi vọng rằng những nội dung này có thể góp phần tạo cơ sở pháp lí để các tổ chức xã hội thực hiện vai trò nhiệm vụ của mình đối với sự phát triển GDMN của địa phương.

Cụ thể là những nội dung sau đây:

Nội dung tư vấn 1. Một số vấn đề về GDMN được quy định trong Luật Giáo dục: Một số nội dung liên quan đến GDMN được quy định trong Luật Giáo dục; Vị trí, vai trò của GDMN...

Nội dung tư vấn 2. Quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em: Quyền và bổn phận của trẻ em; Quy định pháp luật bảo vệ trẻ em: Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em; Luật Giáo dục; Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em;...

Nội dung tư vấn 3. Chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển GDMN: Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2010 – 2015; Đề án phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi; Thông tư hướng dẫn hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 5 tuổi; Một số văn bản khác quy định về chính sách nhằm phát triển GDMN.

Trên đây là một số nội dung chính mà các bạn là những GVMN cần nghiên cứu và nắm vững, đồng thời kết hợp với nội dung của các module như MN10, MN11 và MN12 để có thể thực hiện công tác tư vấn cho các tổ chức xã hội. Tuy nhiên, bạn cũng có thể đề xuất thêm những nội dung mà bạn thấy cần thiết phải nghiên cứu phù hợp với công tác tư vấn cho các tổ chức xã hội tại địa phương mình.

Sau đây chúng ta sẽ cùng nhau nghiên cứu, thảo luận từng nội dung tư vấn nêu trên.

II.2. CÁC NỘI DUNG TƯ VẤN CỤ THỂ

II.2.1. Nội dung tư vấn 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ GIÁO DỤC MẦM NON ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG LUẬT GIÁO DỤC

Hoạt động 1. Tìm hiểu những nội dung liên quan đến giáo dục mầm non được quy định trong Luật Giáo dục

Những nội dung liên quan đến GDMN được quy định trong Luật Giáo dục là những nội dung gì?

Bạn hãy ghi vào vở học tập của bạn và chia sẻ với đồng nghiệp, liên hệ với thực tế, sau đó đối chiếu với thông tin phản hồi để bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện kết quả hoạt động của bạn.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Một số nội dung liên quan đến giáo dục mầm non được quy định trong Luật Giáo dục

1.1. Luật Giáo dục ngày 2/12/1998 chính thức thừa nhận GDMN là một bộ phận của hệ thống giáo dục quốc dân, để “nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em từ 3 tháng đến 6 tuổi”. Mục đích của GDMN là giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ và thẩm mỹ, tạo ra các yếu tố đầu tiên ảnh hưởng đến việc hình thành nhân cách và chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.

Luật Giáo dục nêu rõ, có ba loại dịch vụ trong giáo dục mầm non:

- Nhà trẻ và nhóm trẻ nhận trẻ từ 3 tháng tuổi đến 3 tuổi.
- Các trường, lớp mẫu giáo nhận trẻ từ 3 – 6 tuổi.
- Trường mầm non là sự kết hợp giữa nhà trẻ và mẫu giáo; nhận trẻ từ 3 tháng tuổi đến 6 tuổi.

1.2. Luật Giáo dục sửa đổi (2005): Để phù hợp với tình hình KT – XH trong thời kì mới, ngày 14/7/2005 Luật Giáo dục sửa đổi được ban hành (thay thế Luật Giáo dục năm 1998) và có hiệu lực thi hành từ 01 tháng 01 năm 2006 đã tạo cơ sở pháp lí để tiếp tục xây dựng và phát triển nền giáo dục nước nhà trong thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đối với GDMN, một trong những vấn đề mới của Luật Giáo dục 2005 tập trung chủ yếu tại chương III, Điều 48. Nhà trường trong hệ thống quốc dân:

Về loại hình trường: Luật Giáo dục 2005 quy định về loại hình giáo dục, chỉ gồm: trường công lập, trường dân lập, trường tư thục. Như vậy, theo quy định này cơ sở GDMN bán công không còn tồn tại, loại hình bán công sẽ được chuyển sang trường công lập, trường dân lập hoặc trường tư thục, tùy điều kiện thực tế tại địa phương.

Về loại hình cơ sở giáo dục dân lập: Điều 48 Luật Giáo dục 2005 quy định rằng *cơ sở dân lập* do cộng đồng dân cư cơ sở thành lập, đầu tư xây dựng và đảm bảo kinh phí hoạt động. Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục 2005 đã mở ra khả năng giải quyết bất cập trong

chuyển đổi các loại hình GDMN bằng khái niệm mới về *cơ sở dân lập*, bao gồm những điểm quan trọng như sau:

- Cơ sở giáo dục dân lập do cộng đồng dân cư ở cơ sở thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đảm bảo kinh phí hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Cộng đồng dân cư cấp cơ sở gồm tổ chức và cá nhân tại thôn, bản, ấp, xã, phường, thị trấn (Tuy nhiên, cho đến nay khái niệm “cộng đồng dân cư cấp cơ sở” còn chưa rõ ràng, cần phải xác định chủ thể quản lý cho phù hợp để tiếp tục duy trì các cơ sở GDMN).
- Cơ sở giáo dục dân lập hoạt động trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, nhân lực và được chính quyền địa phương hỗ trợ.
- Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp huyện quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục dân lập, UBND cấp xã trực tiếp quản lý cơ sở giáo dục dân lập.

Nghị định nêu rõ “*Cơ sở giáo dục dân lập hoạt động trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, nhân lực và được chính quyền địa phương hỗ trợ*”. Như vậy, các cơ sở mầm non khi chuyển sang loại hình dân lập vẫn tiếp tục được chính quyền hỗ trợ cả về mặt kinh phí, đây là một vấn đề đặc biệt quan trọng đối với các cơ sở dân lập trong thời gian đầu chuyển đổi và là một hướng mở để các địa phương tùy điều kiện của mình chủ động hỗ trợ cho các cơ sở mầm non chuyển từ bán công sang dân lập có thể tránh khỏi sự khủng hoảng tan rã và có thể tồn tại, tiếp tục phát triển. Nhưng vấn đề đặt ra là phải xác định rõ chính quyền địa phương là từ cấp nào? (cấp tỉnh/thành phố, quận/huyện hay chỉ xã/phường); Nếu chỉ được hỗ trợ từ ngân sách xã, phường thì rất khó khăn vì nhiều năm nay, ngân sách xã phường hỗ trợ cho giáo dục mầm non là rất hạn chế.

Về chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với trường dân lập, tu thực: Luật Giáo dục 2005 dành riêng Mục 4, từ Điều 65-68, nói về chính sách ưu đãi đối với trường dân lập, tu thực. Điều 48 quy định: trường dân lập, tu thực được Nhà nước bảo đảm kinh phí để thực hiện chính sách đối với người học. Điều này thể hiện tính nhất quán trong chủ trương của Nhà nước ta: tạo điều kiện để mọi trẻ em được hưởng nền giáo dục công bằng, tiên tiến.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay vẫn còn tồn tại sự bất bình đẳng trong đầu tư của Nhà nước cho trẻ mầm non đối với các cơ sở công lập và ngoài công lập, Nhà nước chỉ đầu tư cho trẻ trong các trường công lập mà chưa đầu tư cho trẻ thuộc khu vực ngoài công lập. Đây là một vấn đề cần có hướng giải quyết nhằm phát triển GDMN ngoài công lập theo chủ trương của Nhà nước.

1.3. Luật Giáo dục sửa đổi 2009: Luật Giáo dục sửa đổi, bổ sung một số điều của giáo dục (GD) được Quốc hội thông qua ngày 25/11/2009 và có hiệu lực từ ngày 1/7/2010. Nội dung sửa đổi, bổ sung đã tập trung giải quyết một số vấn đề bức xúc hiện nay, trong đó có những nội dung như: Quy định việc phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi, tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư có hiệu quả và nâng cao chất lượng GDMN nói chung và trẻ em 5 tuổi nói riêng, đặc biệt ở vùng miền núi và các vùng kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn; Bổ sung các quy định về yêu cầu công khai tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục và xác định rõ nội dung quản lý nhà nước về kiểm định chất lượng giáo dục; Thực hiện phụ cấp thâm niên cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục,...

Hoạt động 2. Tìm hiểu vị trí, vai trò của giáo dục mầm non đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước

Vị trí và vai trò của GDMN đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước? (Bạn hãy viết ra suy nghĩ, hiểu biết của mình)

Bạn hãy ghi vào vở học tập của bạn và chia sẻ với đồng nghiệp, liên hệ với thực tế, sau đó đối chiếu với thông tin phản hồi để bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện kết quả hoạt động của bạn.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Vị trí của giáo dục mầm non: Giáo dục mầm non là ngành học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thu nhận trẻ từ 3 – 72 tháng tuổi để chăm sóc giáo dục; đặt nền móng đầu tiên cho việc hình thành, phát triển nhân cách trẻ và chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho trẻ bước vào học phổ thông. Đảm bảo hài hoà giữa nuôi dưỡng – chăm sóc và giáo dục, phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, giúp trẻ phát triển cơ thể cân đối, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo và người trên; yêu quý anh chị em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, hồn nhiên, yêu thích cái đẹp, ham hiểu biết, thích đi học.

GDMN thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn cho các bậc cha mẹ những kiến thức khoa học về nuôi dạy trẻ. Kết hợp chặt chẽ với gia đình, cộng đồng, các tổ chức xã hội trong việc chăm sóc giáo dục trẻ.

2. Vai trò của giáo dục mầm non

2.1. Vai trò của giáo dục mầm non trong chiến lược nguồn lực con người

Trong chiến lược xây dựng nguồn lực con người, giáo dục mầm non có vai trò khá đặc biệt. Các nhà giáo dục coi thời kì phát triển của con người ở giai đoạn mầm non là thời kì “vàng” của cuộc đời mỗi con người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng chỉ rõ: “Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”.

Liên hiệp quốc đã khẳng định: “Trẻ em hôm nay là thế giới ngày mai”.

Tất cả đều là những thông điệp nhắc nhở chúng ta một cách trực tiếp rằng đầu tư cho sự phát triển của trẻ em hôm nay tức là chúng ta đã đầu tư cho mai sau.

Về cơ sở khoa học, nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định tầm quan trọng của giai đoạn từ 0 – 6 tuổi trong quá trình phát triển của đời người: Tốc độ tăng trọng của não nhanh nhất là ở trẻ từ 0 – 3 tuổi. Ở độ tuổi này diễn ra quá trình mielin hoá các sợi dây thần kinh, phân hoá về cấu tạo và chức phận giữa các tế bào vỏ não. Năng lực tư duy trừu tượng gắn liền với sự phát triển vốn từ. Vốn từ phát triển thuận lợi nhất ở trẻ 2 – 3 tuổi. Từ những tri thức về sinh học phát triển của trẻ em đặt ra vấn đề là cần nhận thức đúng vị trí của GDMN trong chiến lược con người, nếu không trong giáo dục sẽ có những điều quá muộn hoặc bỏ lỡ cơ hội, sau đó muốn bù đắp cũng không được.

Để nhấn mạnh hơn về tầm quan trọng của GDMN đối với phát triển của xã hội cũng như vai trò của cộng đồng xã hội đối với giáo dục mầm non, TS. Robert. G. Myer đã nói: “Tại sao phải đầu tư vào chương trình chăm sóc phát triển trẻ thơ từ những năm nhỏ tuổi, coi đây là một phần chiến lược cơ bản? Bởi vì cũng như trước khi xây dựng một toà nhà, ta cần xây cho nó một nền tảng bằng đá vững chắc để có toàn bộ công trình kiến trúc đó, trước khi một em bé vào trường tiểu học cũng cần cho nó một nền tảng tương tự. Chính gia đình, cộng đồng và những giá trị văn hoá cộng đồng là những nhân tố tạo nên nền tảng đó. Do đó từ lúc lọt lòng cho đến lúc 6 tuổi, trẻ em cần được đầu tư và hỗ trợ phát triển thể chất, tinh thần và hiểu biết xã hội. Việc giáo dục trẻ em trong những năm học ở nhà trường có thành công hay không một phần lớn tùy thuộc vào những tảng đá làm nền, tạo được những năm phát triển trẻ thơ sau này”.

Tại Hội nghị thế giới về “Giáo dục cho mọi người” tại Thái Lan tháng 3/1990 đã thể hiện sâu sắc nhận thức: Sự phát triển của trẻ mầm non tạo nền tảng cho việc học tập tiểu học và đóng góp cho xã hội trong cuộc sống sau này. Hội nghị còn nhấn mạnh rằng việc học tập phải được bắt đầu từ khi trẻ mới sinh.

2.2. Giáo dục mầm non và vấn đề giải phóng phụ nữ, góp phần giữ vững sự ổn định xã hội

Ở Việt Nam, phát triển GDMN không chỉ góp phần giải phóng phụ nữ, rút ngắn sự cách biệt giữa trẻ em vùng khó và trẻ em thành thị, mà còn góp phần vào công cuộc xoá đói giảm nghèo, giữ vững sự ổn định xã hội.

Trong xã hội, phụ nữ luôn có một vị trí đặc biệt quan trọng. Ngày nay phụ nữ được hưởng nhiều chế độ chính sách ưu tiên thoả đáng của Nhà

nước. Tuy nhiên, ở những vùng kinh tế kém phát triển, phụ nữ vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong đời sống. Thêm vào đó những tập tục lạc hậu càng làm cho người phụ nữ thêm thiệt thòi trong việc hưởng thụ các phúc lợi gia đình và xã hội: sinh nhiều con, nuôi con lớn là trách nhiệm của người phụ nữ, công việc gia đình và lao động sản xuất làm ra của cải vật chất nuôi sống gia đình cũng không thoát khỏi bàn tay của người phụ nữ. Người phụ nữ không được tiếp xúc nhiều với bên ngoài xã hội, ít được nắm bắt các thông tin. Những tập tục, thói quen nuôi con lạc hậu làm cho đứa trẻ yếu đuối càng làm chất lên người phụ nữ những gánh nặng khôn lường.

Phát triển GDMN sẽ tạo điều kiện cho người phụ nữ, đặc biệt là người mẹ yên tâm hơn trong công tác, sản xuất, hiểu biết hơn về những kiến thức nuôi dạy con cái, được hưởng nhiều hơn những phúc lợi từ phía gia đình cũng như cơ hội đóng góp cho xã hội. Điều đó góp phần cải thiện vị thế của người phụ nữ, tạo sự bình đẳng giữa người phụ nữ và nam giới và góp phần giữ vững ổn định xã hội.

Để khắc phục những khó khăn thách thức đặt ra cho GDMN hiện nay như kinh phí đầu tư còn quá hạn hẹp so với yêu cầu phát triển, cơ sở vật chất trang thiết bị trường lớp còn lạc hậu và thiếu thốn, đặc biệt ở những vùng khó khăn, giáo viên thiếu, chất lượng giáo dục toàn diện còn có quá nhiều chênh lệch giữa các vùng lãnh thổ, nhận thức về nuôi dạy con cái một cách khoa học của đại bộ phận các cha mẹ trẻ ở vùng khó khăn còn hạn chế... thì cần phải tạo được mối liên kết phối hợp giữa các ban ngành, tổ chức, đoàn thể xã hội để tuyên truyền phổ biến kiến thức CS – GD trẻ cho các bậc cha mẹ. Đó là một vấn đề cấp thiết hơn bao giờ hết để thể chế hoá chủ trương đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục của Đảng và Nhà nước, tác động mạnh mẽ vào ý thức của xã hội làm thay đổi về nhận thức, về cách làm giáo dục của mọi thành phần trong toàn xã hội, nhằm phát triển sự nghiệp giáo dục nói chung, GDMN nói riêng một cách nhanh, mạnh, hiệu quả và bền vững.

Như vậy có thể khẳng định rằng GDMN, với sự cố gắng nỗ lực của mình đã góp phần mở rộng sự nghiệp giải phóng phụ nữ, đặt nền tảng cơ sở cho sự phát triển nguồn lực lao động của xã hội trong tương lai.

II.2.2. Nội dung tư vấn 2. QUYỀN TRẺ EM VÀ BẢO VỆ TRẺ EM

Hoạt động 1. Tìm hiểu các quyền và bổn phận của trẻ em

Trẻ em có những quyền và bổn phận nào? (Bạn hãy nhớ lại và viết ra một cách ngắn gọn).

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để hiểu thêm quyền và bổn phận của trẻ.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Các quyền cơ bản của trẻ em

Quyền của trẻ em được Liên hợp quốc quy định trong Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em. Công ước được thông qua và mở cho các nước kí, phê chuẩn và gia nhập theo Nghị quyết 44/25 ngày 20/11/1989 của Đại Hội đồng Liên hợp quốc và có hiệu lực từ ngày 2/9/1990 theo Điều 49 của Công ước. Việt Nam là nước thứ hai trên thế giới và là nước thứ nhất ở châu Á đã kí Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em vào tháng 2/1991.

Trong phạm vi của Công ước này, trẻ em có nghĩa là mọi người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn.

Mục đích của Công ước là tạo điều kiện cho trẻ em phát triển toàn diện về tất cả các mặt thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức và xã hội.

Trẻ em là nhóm đối tượng chưa có khả năng tự chăm sóc, tự đáp ứng các nhu cầu của mình và tự bảo vệ bản thân nên cần sự quan tâm, chăm sóc,

bảo vệ của người lớn. Quy định về các quyền và trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ để các em phát triển toàn diện, trở thành những công dân tốt đã được đưa vào các văn bản pháp luật mà mọi người đều có trách nhiệm thực hiện.

1.1. Bốn nguyên tắc chính về thực hiện quyền trẻ em

- Bình đẳng, không phân biệt đối xử: Mọi trẻ em không phân biệt giới tính, dân tộc, tôn giáo, giàu nghèo,... đều phải được đối xử như nhau, không phân biệt.
- Vì lợi ích tốt nhất của trẻ: Trong khi xem xét, giải quyết vấn đề liên quan đến trẻ cần phải quan tâm đến lợi ích của trẻ, không được đặt lợi ích của trẻ em sau lợi ích của người lớn.
- Vì sự sống còn và phát triển của trẻ: Trong bất cứ hoàn cảnh nào, không được để xảy ra các vấn đề nguy hiểm tới tính mạng, sự sống còn và phát triển của trẻ em.
- Tôn trọng trẻ em: Trẻ em được bày tỏ ý kiến, quan điểm về những vấn đề có tác động đến trẻ, những quan điểm của trẻ phải được tôn trọng (ở nhà, ở trường, ở toà án,...) một cách thích đáng, phù hợp với độ tuổi và độ trưởng thành của trẻ.

1.2. Bốn nhóm quyền trẻ em được quy định trong Công ước

- *Nhóm quyền sống còn*: Do trẻ em là những cá thể còn non nớt về cả thể chất lẫn tinh thần, không thể tự nuôi sống được bản thân mình nên trong Công ước khái niệm “bảo đảm sự sống còn” của trẻ em được mở rộng không chỉ bao gồm việc đảm bảo không bị tước đoạt về tính mạng, mà còn bao gồm việc đảm bảo cho trẻ em được cung cấp chất dinh dưỡng và sự chăm sóc y tế ở mức độ cao nhất. Tất cả các quyền trẻ em nào liên quan đến vấn đề này thuộc phạm vi nhóm quyền được sống còn của trẻ. Nhóm quyền sống còn bao gồm: trẻ em có quyền được sống, tồn tại; quyền có giấy khai sinh, quốc tịch; quyền được sống chung với cha mẹ và được chăm sóc.
- *Nhóm quyền được phát triển*: Công ước đưa ra một cách nhìn toàn diện về sự phát triển của trẻ em, không chỉ về thể chất mà còn về trí tuệ, tình cảm, đạo đức và xã hội. Tất cả những quyền của trẻ em tác động đến quá trình này được coi là thuộc nhóm quyền được phát triển. Nhóm quyền này được thể hiện chủ yếu qua ba mặt chính: cung cấp chất dinh dưỡng (phát triển thể chất); giáo dục (phát triển về trí tuệ); và cung cấp các điều

kiện vui chơi, giải trí, sinh hoạt văn hoá, nghệ thuật. Nhóm quyền này bao gồm: trẻ em có quyền được phát triển, được chăm sóc dinh dưỡng, sức khoẻ để phát triển về thể lực; chăm sóc, giáo dục, được đi học để phát triển về nhận thức, có hiểu biết, trí tuệ.

- *Nhóm quyền được bảo vệ*: Khái niệm “bảo vệ trẻ em” không dừng lại ở việc ngăn ngừa sự xâm hại về thể chất và tinh thần với trẻ em mà còn bao gồm cả việc ngăn ngừa và khắc phục những điều kiện bất lợi đối với cuộc sống trẻ em. Theo Công ước, nhóm quyền này bao gồm các quyền của trẻ em được bảo vệ khỏi các hình thức bóc lột, xâm hại, sao nhãng, bỏ mặc, phân biệt đối xử và được bảo vệ trong các trường hợp đặc biệt khó khăn như bị tách khỏi môi trường gia đình, trong chiến tranh hay thiên tai,...
- *Nhóm quyền được tham gia*: Nhóm quyền này bao gồm tất cả các quyền giúp trẻ em có thể biểu đạt dưới mọi hình thức những ý kiến, quan điểm của bản thân về các vấn đề liên quan đến cuộc sống của trẻ. Có ba yêu cầu trong việc thực hiện nhóm quyền này, đó là: giúp trẻ có điều kiện tiếp nhận thông tin; giúp trẻ được biểu đạt ý kiến, quan điểm; tôn trọng, lắng nghe và xem xét ý kiến, quan điểm của trẻ.

Cần hiểu rằng, sự phân chia thành các quyền cụ thể vào bốn nhóm quyền của trẻ như vậy chỉ mang tính tương đối. Vì bốn nhóm quyền này có mối liên hệ với nhau, bổ sung cho nhau và không thể tách rời. Các mặt của đời sống trẻ em được đề cập đến trong từng nhóm quyền có liên quan chặt chẽ và ảnh hưởng lẫn nhau. Ví dụ, quyền được cung cấp chất dinh dưỡng có liên quan trực tiếp đến quyền được sống còn và quyền được phát triển, nhưng cũng liên quan đến quyền được bảo vệ.

Chúng ta thấy rằng, một trong những quyền cơ bản của trẻ em đó là quyền được chăm sóc, quyền được học tập, quyền được vui chơi. Do đó việc tìm ra phương thức để phát triển GDMN, đặc biệt là nâng cao chất lượng GDMN nông thôn, vùng sâu, vùng khó khăn là một trong những nhiệm vụ cấp bách của ngành học Mầm non, nhằm thực hiện quyền cơ bản của trẻ em, đồng thời góp phần rút ngắn khoảng cách hưởng thụ GDMN giữa trẻ em các vùng với các điều kiện, môi trường sống khác nhau. Tuy vậy trong thực tế hiện nay, mức độ trẻ em được hưởng thụ GDMN rất chênh lệch giữa vùng thành thị và vùng nông thôn, giữa các tầng lớp xã hội, giữa người giàu và người nghèo, giữa các vùng KT-XH khác nhau, giữa trẻ bình thường và trẻ chậm phát triển, trẻ có gia đình và trẻ vô gia cư,...

2. Bốn phận của trẻ em

2.1. Một số bốn phận của trẻ em

Quyền luôn đi đôi với trách nhiệm, bốn phận. Bốn phận của trẻ là những việc trẻ phải làm theo đạo lí, quy định phù hợp với lứa tuổi của mình. Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em ban hành năm 1991 và sửa đổi năm 2004 dựa trên 5 điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng, phù hợp với những giá trị văn hoá, đạo đức của người Việt Nam đã quy định bốn phận của trẻ như sau:

Yêu quý, kính trọng và hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; kính trọng thầy cô giáo; lễ phép với người lớn, thương yêu em nhỏ, đoàn kết với bạn bè; giúp đỡ người già yếu, người khuyết tật, người gặp hoàn cảnh khó khăn theo khả năng của mình.

Chăm chỉ học tập, giữ gìn vệ sinh, rèn luyện thân thể, thực hiện trật tự công cộng và an toàn giao thông, giữ gìn của công, tôn trọng tài sản của người khác.

Yêu lao động, giúp đỡ gia đình làm những việc phù hợp sức mình.

Sống khiêm tốn, trung thực và có đạo đức, tôn trọng pháp luật; tuân theo nội quy của nhà trường; thực hiện nếp sống văn minh, gia đình văn hoá; tôn trọng, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

Yêu quê hương, đất nước, yêu đồng bào, có ý thức xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và đoàn kết quốc tế.

2.2. Những điều trẻ không được làm

Điều 22 Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em quy định những điều trẻ em không được làm. Những quy định này không nhằm răn đe, trừng trị trẻ mà chỉ nhằm giáo dục cho trẻ hiểu và tránh xa các hành vi xấu, trái pháp luật và có ý thức với hành động của mình.

Cụ thể những điều trẻ em không được làm là:

- Không được tự ý bỏ học, bỏ nhà sống lang thang.
- Không được xâm phạm tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác; gây rối trật tự công cộng.
- Không được đánh bạc, sử dụng rượu bia, thuốc lá, chất kích thích khác có hại cho sức khoẻ.

- Không được trao đổi, sử dụng văn hoá phẩm có nội dung kích động bạo lực, đồi trụy, sử dụng đồ chơi hoặc trò chơi có hại cho sự phát triển lành mạnh.

Quan hệ giữa người lớn và trẻ em là mối quan hệ hai chiều, ảnh hưởng lẫn nhau: Người lớn (cha mẹ, thầy cô,...) có trách nhiệm thực hiện các quyền của trẻ, nhưng ngược lại, trẻ cũng phải có trách nhiệm làm tròn bổn phận của mình với người lớn, với gia đình, nhà trường, xã hội. Việc trẻ làm tốt các bổn phận cũng góp phần làm cho mối quan hệ cha mẹ – con cái, thầy – trò trở nên gần gũi, thân thiện, dễ hợp tác hơn.

Hoạt động 2. Tìm hiểu các văn bản pháp luật bảo vệ quyền của trẻ em

Những quy định về bảo vệ trẻ em có trong những văn bản pháp luật nào? (Bạn hãy liệt kê tên các văn bản pháp luật mà bạn biết).

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để có thêm thông tin về những văn bản pháp luật bảo vệ quyền trẻ em.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Luật Giáo dục (2005)

- Điều 72 quy định nhà giáo phải tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.
- Điều 75 quy định nhà giáo không được có các hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể của người học.
- Điều 118 quy định người nào có một trong những hành vi xâm phạm nhân phẩm, thân thể nhà giáo; ngược đãi, hành hạ người học thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em (2004)

- Điều 7 quy định nghiêm cấm các hành vi hành hạ, ngược đãi, làm nhục, xâm phạm tính mạng, thân thể, nhân phẩm, danh dự của người khác và áp dụng biện pháp có tính chất xúc phạm, hạ thấp danh dự, nhân phẩm hoặc dùng nhục hình đối với trẻ em vi phạm pháp luật;

3. Luật Hôn nhân và Gia đình (2006)

- Điều 34 quy định cha mẹ không được phân biệt đối xử giữa các con, ngược đãi, hành hạ, xúc phạm con cái.
- Điều 107 quy định người nào hành hạ, ngược đãi, xúc phạm danh dự, nhân phẩm ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, con và các thành viên khác trong gia đình tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

II.2.3. Nội dung tư vấn 3. MỘT SỐ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC MẦM NON

Hoạt động 1. Tìm hiểu Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2010 – 2015

Bạn hãy đọc Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2010 – 2015 và chia sẻ với đồng nghiệp để trả lời câu hỏi sau.

Một số điểm chính trong Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2010 – 2015?

Bạn hãy đối chiếu nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây để tăng thêm hiểu biết về Đề án này.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Phát triển GDMN là quan điểm, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta từ trước đến nay. Mấy chục năm qua, chính sách này vẫn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong các văn kiện Đại hội Đảng và được thể chế hoá bằng Luật Giáo dục và hàng loạt các văn bản dưới luật nhằm phát triển GDMN.

Đối với đối tượng tư vấn là các tổ chức xã hội bạn cần nghiên cứu một số chính sách của Nhà nước mới ra trong thời gian gần đây và hiện đang được chú trọng thực hiện tại các địa phương.

Ngày 23/6/2006, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2006 – 2015".

Đề án nhằm mục tiêu:

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, phấn đấu để có 80% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo năm 2010 và 100% năm 2015, trong đó có 8% đạt trình độ trên chuẩn năm 2010 và 15% năm 2015,...
- Củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp, nâng tỉ lệ trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ, nhóm trẻ từ 15% năm 2005 lên 20% năm 2010 và đạt 30% năm 2015, trẻ từ 3 đến 5 tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 58% năm 2005 lên 67% năm 2010 và đạt 75% năm 2015, trẻ 5 tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 92% năm 2005 lên 95% năm 2010 và 99% năm 2015...
- Nâng tỉ lệ các cơ sở giáo dục mầm non đạt chuẩn quốc gia từ 9% năm 2005 lên 20% vào năm 2010 và 50% vào năm 2015...
- Đối với các vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo: nâng tỉ lệ trẻ từ 3 đến 5 tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 43% năm 2005 lên 55% năm 2010 và đạt 62% năm 2015. Phấn đấu để tỉ lệ trẻ 5 tuổi ở các vùng này đến lớp mẫu giáo đạt bằng tỉ lệ chung của toàn quốc...
- Nâng chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong các cơ sở GDMN. Ở đây cần tạo điều kiện cho trẻ phát triển tư duy, sáng tạo thông qua học tập, vui chơi và làm quen với cách học mới. Chú ý đến vấn đề dinh dưỡng và an toàn cho trẻ. Phấn đấu tỉ lệ trẻ đạt chuẩn phát triển là 80% vào năm 2010 và 95% vào năm 2015, giảm tỉ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở

các cơ sở giáo dục mầm non xuống 12% vào năm 2010 và dưới 10% vào năm 2015.

- Tăng tỉ lệ các bậc cha mẹ có con ở lứa tuổi mầm non được cung cấp và áp dụng kiến thức, kĩ năng cơ bản về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, và đạt 70% vào năm 2010 và 90% vào năm 2015.

Hoạt động 2. Tìm hiểu những điểm chính của Đề án giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi

Những điểm chính của Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi?

Bạn hãy ghi vào vở học tập của bạn và chia sẻ với đồng nghiệp những thu hoạch hoạt động nghiên cứu của bạn.

Bạn đọc những thông tin dưới đây để tăng thêm hiểu biết về Đề án phổ cập GDMN cho trẻ mầm non 5 tuổi.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Một số vấn đề chính trong Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

Ngày 9/2/2010, Chính phủ ban hành Quyết định số 239/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 – 2015.

Đề án PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi với mục tiêu củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp, bảo đảm đến năm 2015 có 95% số trẻ em trong độ tuổi năm tuổi được học 2 buổi/ngày; Đến năm 2015 có 100% trẻ tại các cơ sở

giáo dục mầm non được học chương trình giáo dục mầm non mới, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào học lớp 1; 100% giáo viên dạy mầm non năm tuổi đạt chuẩn trình độ đào tạo vào năm 2010, phấn đấu đến năm 2015 có 50% giáo viên đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên, 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá...

Đề án gồm 4 dự án: Xây dựng phòng học, phòng chức năng theo quy định của Điều lệ trường mầm non; mua sắm trang thiết bị, đồ chơi; đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và hỗ trợ trẻ em nghèo; xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia cho 86 huyện khó khăn.

Tăng cường hỗ trợ và ưu tiên đầu tư các vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, biên giới theo hướng xây dựng các trường mầm non công lập kiên cố, đạt chuẩn, bảo đảm hầu hết trẻ em năm tuổi được đến trường, lớp mầm non để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày, đủ một năm học.

Để tăng cường huy động trẻ 5 tuổi đến lớp, đối với trẻ em sinh sống ở các xã biên giới, núi cao, hải đảo và các xã có điều kiện KT – XH đặc biệt khó khăn, mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật, có khó khăn về kinh tế; cha mẹ thuộc diện hộ nghèo thì sẽ được Nhà nước hỗ trợ 120.000đ/tháng (một năm học 9 tháng) để duy trì bữa ăn trưa tại trường; trẻ em có hoàn cảnh khó khăn học tại các trường mầm non tư thục được nhà nước hỗ trợ một phần học phí.

Đối với GVMN, lực lượng nòng cốt thực hiện thành công Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi, Nhà nước sẽ hỗ trợ ngân sách để thực hiện trả lương cho giáo viên và cán bộ quản lý ở các cơ sở GDMN theo thang bảng lương và nâng lương theo định kì.

2. Tính khả thi của Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi
 - Tuy các địa phương đều đưa ra lộ trình và quyết tâm thực hiện đề án, nhưng năm học đầu tiên (2010 – 2011) thực hiện phổ cập cho trẻ 5 tuổi, khó khăn nhất chính là nhiều nơi đang đứng trước mối lo thiếu chỗ học. Vấn đề thiếu trường, thiếu phòng học không chỉ xảy ra ở vùng sâu, xa, vùng nông thôn khó khăn, mà cả ở thành phố lớn. Ví dụ: Hà Nội có 827 trường mầm non, 10.868 nhóm, lớp nhưng mới chỉ đáp ứng chỗ học cho 26% số trẻ nhà trẻ và 86,3% trẻ mẫu giáo.
 - Bên cạnh cơ sở vật chất, yếu tố đội ngũ nhà giáo đóng vai trò quan trọng quyết định sự thành công của đề án. Trong tổng số 18.000 giáo viên hiện

có, còn tới 10.000 người là giáo viên ngoài biên chế (chiếm 54%), 7.500 giáo viên chưa có trình độ đào tạo đạt chuẩn. Phần lớn GVMN được đào tạo chắp vá, qua nhiều loại hình đào tạo, năng lực còn hạn chế.

Giải pháp tình thế nhằm thực hiện mục tiêu Đề án "Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi giai đoạn 2010 – 2015" là các địa phương tự mở rộng hình thức xã hội hoá giáo dục bằng cách khuyến khích người dân mở trường, lớp tư thục; tìm kinh phí, nguồn tài trợ cho phát triển hệ thống GDMN; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến đề án trong các cấp, ngành, xã hội.

Hoạt động 3. Tìm hiểu những vấn đề chính trong Thông tư hướng dẫn hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi ở cơ sở giáo dục mầm non

Bạn đọc kĩ Thông tư hướng dẫn hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi ở các cơ sở GDMN do Bộ Giáo dục – Đào tạo ban hành để trả lời câu hỏi:

Những vấn đề chính trong Thông tư hướng dẫn hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi ở cơ sở GDMN?

Bạn chia sẻ với đồng nghiệp và đọc những thông tin dưới đây để hiểu rõ nội dung Thông tư này.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Thông tư Liên tịch 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC hướng dẫn chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi ở cơ sở GDMN theo quy định tại Quyết định 239/QĐ-TTg phê duyệt Đề án phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010 – 2015.

Thông tư Liên tịch hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi ở các cơ sở GDMN. Mức hỗ trợ là 120.000 đồng/tháng/cháu, được hưởng theo thời gian học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Theo Thông tư, có ba đối tượng trẻ 5 tuổi ở các cơ sở GDMN được chi hỗ trợ ăn trưa. Thứ nhất, trẻ có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, núi cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn theo văn bản quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thứ hai, trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế. Thứ ba, trẻ có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định hiện hành của Nhà nước, không thuộc các xã quy định đối với đối tượng thứ nhất.

Tiền hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mẫu giáo 5 tuổi được chi trả hai lần trong năm: lần đầu, chi trả đủ bốn tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11 hàng năm; lần hai, chi trả đủ 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4 hàng năm.

Đối với cơ sở mầm non công lập, cơ sở GDMN là cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện việc chi trả. Đối với cơ sở mầm non ngoài công lập, phòng GD&ĐT là cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện việc chi trả. Cơ quan chi trả thống nhất với ban đại diện cha mẹ trẻ để quyết định một trong hai phương thức: chi trả trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ hoặc giữ lại để lo bữa ăn trưa cho trẻ.

Liên Bộ cũng quy định, các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa theo quy định của Thông tư này, đồng thời đang được hưởng các chính sách khác cùng tính chất thì chỉ được hưởng chính sách có chế độ ưu đãi cao nhất.

PHẦN III. PHƯƠNG PHÁP TƯ VẤN VỀ GIÁO DỤC MẦM NON CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI (2 tiết)

Hoạt động 1. Phương pháp tư vấn về giáo dục mầm non cho các tổ chức xã hội

Trong module trước bạn đã tìm hiểu về phương pháp tư vấn cho các đối tượng là các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non. Vậy theo bạn nếu tư vấn cho đối tượng là những người làm việc trong các tổ chức xã hội thì:

– *Bạn sẽ dùng những phương pháp gì?*

– *Phương pháp nào là chủ yếu? Bạn hãy giải thích vì sao bạn lại dùng những phương pháp đó?*

Bạn trao đổi với các đồng nghiệp và đọc kĩ thông tin dưới đây để tăng thêm hiểu biết về phương pháp tư vấn CS – GDMN cho các tổ chức xã hội.

Bạn hãy dành 1 tiết (45 phút) cho hoạt động này.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Bạn đã được nghiên cứu các phương pháp tư vấn cho đối tượng là các bậc cha mẹ trẻ mầm non trong các module trước. Trong module này, bạn sẽ nghiên cứu một số phương pháp tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội, các đối tượng này không cùng vị trí, vai trò trách nhiệm đối với GDMN như các bậc cha mẹ. Vì vậy các phương pháp lựa chọn để tư vấn phải phù hợp đối tượng này.

1. Phương pháp điều tra, phỏng vấn

Để có thể thực hiện công tác tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội có hiệu quả, người GVMN cần dành thời gian tìm hiểu nhu cầu tư vấn về GDMN của các tổ chức xã hội thông qua hoạt động điều tra, phỏng vấn các đối tượng có nhu cầu cần được tư vấn. Mỗi tổ chức, thậm chí là mỗi cá nhân của tổ chức xã hội có nguyện vọng, nhu cầu tìm hiểu về các vấn đề khác nhau của GDMN, tùy thuộc vào kinh nghiệm, vốn sống, năng lực nắm bắt vấn đề, điều kiện công tác, trách nhiệm vai trò của mình đối với GDMN,...

Trong quá trình điều tra, phỏng vấn, bước đầu người GVMN tư vấn giúp người được tư vấn nhận ra mình là ai, thuộc tổ chức xã hội nào, mình đang phải thực hiện vai trò, trách nhiệm gì đối với GDMN, đang ở trong hoàn cảnh nào, có thể mạnh, điểm yếu nào trong khi thực hiện trách nhiệm của mình, đã sử dụng những biện pháp nào cho tình huống của mình, tại sao chưa có kết quả, còn cần phải tìm hiểu vấn đề gì về GDMN. Trên cơ sở thấu hiểu hoàn cảnh của mình, người được tư vấn phải cân nhắc, lựa chọn biện pháp và vấn đề nào phù hợp nhất cho bản thân mình để yêu cầu được tư vấn.

Nhu vậy, trước khi thực hiện công tác tư vấn bạn có càng nhiều những thông tin từ người cần được tư vấn sẽ càng đạt được hiệu quả cao trong hoạt động tư vấn. Căn cứ vào phần lớn hoặc toàn bộ thông tin đó mà bạn có được cái nhìn toàn diện về vấn đề quan tâm và từ đó đưa ra những tư vấn có ý nghĩa. Công cụ để thu thập thông tin như thế bao gồm các phiếu điều tra, phỏng vấn.

Bước tiếp theo bạn cần thực hiện là: Sau khi có thông tin từ hoạt động điều tra, phỏng vấn tìm hiểu nhu cầu tư vấn về GDMN của các tổ chức xã hội, bạn cần nghiên cứu lựa chọn những nội dung về GDMN phù hợp với nhu cầu của đối tượng để tư vấn.

2. Phương pháp tọa đàm (thường sử dụng khi tư vấn cá nhân/nhóm nhỏ – tham khảo các module MN10, MN11, MN12).
3. Phương pháp thảo luận nhóm (thường sử dụng khi tư vấn nhóm lớn – tham khảo các module MN10, MN11, MN12).

Hoạt động 2. Tìm hiểu hình thức tư vấn về giáo dục mầm non cho các tổ chức xã hội

Trong module trước bạn đã tìm hiểu về hình thức tư vấn cho các đối tượng là các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non. Vậy theo bạn nếu tư vấn cho đối tượng là những người làm việc trong các tổ chức xã hội thì: Bạn sử dụng hình thức tư vấn nào?

Bạn trao đổi với các đồng nghiệp và đọc những thông tin dưới đây để tăng thêm hiểu biết về các hình thức tư vấn về CS – GD mầm non cho các tổ chức xã hội.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

Các hoạt động tư vấn cho các tổ chức xã hội có thể được tổ chức thông qua nhiều hình thức khác nhau. Căn cứ mục đích, nội dung yêu cầu của đối tượng được tư vấn, các điều kiện để hoạt động như vị trí, không gian, số lượng người tham dự,... bạn có thể lựa chọn và phối hợp một số hình thức như sau:

1. Tư vấn trực tiếp cá nhân/nhóm nhỏ (lãnh đạo/đại diện tổ chức xã hội)

Các lãnh đạo hoặc là người đại diện của các tổ chức xã hội có thể yêu cầu được tư vấn về một vấn đề gì đó về GDMN. Lúc đó người GVMN phải làm việc trực tiếp với một hoặc với một nhóm nhỏ (2 – 3 người).

2. Tư vấn nhóm

Hoạt động tư vấn có thể tổ chức cho một tổ chức xã hội (Hội phụ nữ/Đoàn thanh niên,...) hoặc với một số tổ chức xã hội với số lượng lớn (từ 4 – 5 người trở lên).

3. Tư vấn thông qua tổ chức các cuộc họp/hội nghị, hội thảo, báo cáo chuyên đề,...

Tổ chức các cuộc họp/hội nghị, hội thảo, báo cáo chuyên đề, liên hoan, hội thi kiến thức về chăm sóc, giáo dục trẻ là cơ hội tốt để các tổ chức xã hội nhận được nhiều thông tin về GDMN một cách tự nhiên. Tuy nhiên hình thức này sự tương tác giữa tư vấn viên và các đối tượng bị hạn chế.

4. Tư vấn qua thư, điện thoại

Hình thức này rất tiện lợi và kịp thời nhưng tốn kém và sự tương tác giữa người tư vấn và người được tư vấn bị hạn chế trong việc sử dụng ngôn ngữ cơ thể và sự tương tác với nhau.

5. Tư vấn qua phương tiện thông tin đại chúng (đài phát thanh, tivi, báo chí,...)

Các đài phát thanh, truyền hình địa phương và trung ương truyền hình các buổi tư vấn về GDMN được quay trực tiếp; hoặc những kịch bản, những câu chuyện, những cuốn phim về hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Hình thức này dễ thu hút bởi hình ảnh đẹp, âm thanh hấp dẫn. Tuy vậy hình thức này có nhược điểm: nhiều nơi không có điện, thiếu phương tiện để thực hiện hình thức này. Người nghe khó theo dõi được toàn bộ nội dung của chủ đề; Sự tương tác giữa người tư vấn và người được tư vấn bị hạn chế.

6. Tư vấn qua trang web: Hình thức tư vấn này phù hợp với các đối tượng có điều kiện sử dụng mạng, họ có thể trao đổi kinh nghiệm, tranh luận nhau về các vấn đề liên quan đến GDMN.

PHẦN IV. THỰC HÀNH TƯ VẤN VỀ GIÁO DỤC MẦM NON CHO CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI (3 tiết)

Hoạt động 1. Bài tập thực hành 1

Bạn hãy thiết kế một buổi tư vấn cho cán bộ Hội Phụ nữ xã/phường về chính sách của Nhà nước đối với trẻ mầm non 5 tuổi nhằm huy động trẻ 5 tuổi ra lớp có hiệu quả.

Bạn hãy cùng trao đổi với đồng nghiệp và ghi vào vở học tập.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

1. Bài tập thực hành 1. Lập kế hoạch tư vấn cho cán bộ Hội Phụ nữ xã/phường về chính sách của Nhà nước đối với trẻ mầm non 5 tuổi nhằm huy động trẻ 5 tuổi ra lớp có hiệu quả.

1.1. Để thực hiện bài tập thực hành bạn cần làm những việc sau

- Đọc lại các phần nội dung liên quan đến tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội, đặc biệt là phần nội dung về “Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 – 2015”; Thông tư liên tịch 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC hướng dẫn chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi ở cơ sở GDMN; Quyền trẻ em và bảo vệ trẻ em.

- Lập kế hoạch tư vấn cho cán bộ Hội Phụ nữ xã/phường về chính sách của Nhà nước đối với trẻ mầm non 5 tuổi (kế hoạch bao gồm: mục đích, nội dung, thời gian, tài liệu và điều kiện cần chuẩn bị, phương pháp và hình thức tư vấn).

1.2. Ví dụ gợi ý về kế hoạch tư vấn cho cán bộ Hội Phụ nữ xã/phường

- Mục đích tư vấn: Củng cố, bổ sung thông tin về chính sách của Nhà nước đối với trẻ mầm non 5 tuổi và cung cấp tư liệu để các cán bộ phụ nữ có cơ sở tổ chức vận động trẻ 5 tuổi ra lớp.
- Nội dung tư vấn: Chính sách của Nhà nước đối với trẻ mầm non 5 tuổi; cách tuyên truyền các bậc cha mẹ nhằm huy động trẻ 5 tuổi ra lớp.
- Thời gian tư vấn: 1 buổi.
- Tài liệu cần chuẩn bị: “Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010 – 2015”; Thông tư Liên tịch 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC hướng dẫn chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em năm tuổi ở cơ sở GDMN; Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em.

Để tiết kiệm thời gian, chuẩn bị cho buổi tư vấn, bạn có thể phát cho mỗi cán bộ phụ nữ một bộ tài liệu, đề nghị họ nghiên cứu và tìm hiểu vấn đề mà họ cần được tư vấn. Trong khi tư vấn bạn đưa ra các câu hỏi để tìm hiểu xem các đối tượng được tư vấn đã nắm được những gì về vấn đề đó. Bạn bổ sung thêm và mô tả chính xác những điều mà họ còn thiếu, cần biết, cần được tư vấn.

- Phương pháp: Nếu số lượng ít (1 – 3 người) thì sẽ sử dụng phương pháp tọa đàm cá nhân/nhóm nhỏ dưới hình thức tư vấn trực tiếp. Nếu số lượng đông thì có thể sử dụng phương pháp thảo luận nhóm dưới hình thức tư vấn nhóm.

Ví dụ: Cách tuyên truyền các bậc cha mẹ nhằm huy động trẻ 5 tuổi ra lớp.

Một buổi đến thăm gia đình trẻ nhằm huy động trẻ 5 tuổi đến lớp.

Cán bộ phụ nữ tự giới thiệu (mình là ai, thuộc tổ chức nào, lí do gặp một gia đình,...).

Tạo không khí thân mật, gần gũi giữa người nói và người nghe

Tìm hiểu xem các bậc cha mẹ có nguyện vọng cho trẻ 5 tuổi đến lớp không? Nếu “có” thì khuyến khích gia đình chuẩn bị tâm thế cho trẻ đến trường.

Nếu “không” hoặc còn “lưỡng lự, chưa quyết”, phải tìm ra các lí do cản trở các bậc cha mẹ không muốn cho con tới trường để định hướng cho nội dung tuyên truyền, thuyết phục các bậc cha mẹ cho trẻ đến trường.

Tùy tình trường hợp, lựa chọn các nội dung phù hợp với hoàn cảnh để tuyên truyền giải thích: về chủ trương chính sách của Nhà nước đối với trẻ nhằm huy động 100% trẻ 5 tuổi đến trường; về quyền của trẻ em được học hành, được phát triển; về vai trò trách nhiệm của gia đình trong công tác phối hợp với nhà trường và xã hội nhằm thực hiện quyền của trẻ em và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ,...

Hoạt động 2. Bài tập thực hành 2

Bạn hãy thiết kế một buổi tư vấn cho cán bộ Hội Khuyến học xã/phường về chính sách của Nhà nước đối với các cơ sở GDMN.

Bạn hãy cùng trao đổi với đồng nghiệp và ghi vào vở học tập.

THÔNG TIN PHẢN HỒI

2. Bài tập thực hành 2. Lập kế hoạch tư vấn cho cán bộ Hội Khuyến học xã/phường về chính sách của Nhà nước đối với các cơ sở giáo dục mầm non (chính sách đối với đội ngũ cán bộ giáo viên, ưu đãi thuê, đất xây dựng trường,...).

2.1. Để thực hiện bài tập thực hành bạn cần làm những việc sau

- Đọc lại các phần nội dung liên quan đến tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội, đặc biệt là phần nội dung về vị trí vai trò của GDMN đối với sự phát triển KT– XH của đất nước; các loại hình cơ sở GDMN được quy định trong Luật Giáo dục; “Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2010– 2015”; về công tác xã hội hoá GDMN (trong phần Phụ lục)
- Lập kế hoạch tư vấn cho cán bộ Hội Khuyến học xã/phường về chính sách của Nhà nước đối với các cơ sở GDMN (kế hoạch bao gồm: mục đích, nội dung, thời gian, tài liệu và điều kiện cần chuẩn bị, phương pháp và hình thức tư vấn).

2.2. Ví dụ gợi ý về kế hoạch tư vấn cho cán bộ Hội Khuyến học xã/phường

- Mục đích tư vấn: Củng cố, bổ sung thông tin về chính sách của Nhà nước đối với các cơ sở GDMN và cung cấp tư liệu để các cán bộ Hội Khuyến học có cơ sở tổ chức vận động toàn dân tham gia hỗ trợ các cơ sở GDMN về

vật chất và tinh thần, kiến nghị với Nhà nước các biện pháp phát triển giáo dục mầm non đáp ứng yêu cầu của giai đoạn KT – XH mới.

- Nội dung tư vấn: Chính sách của Nhà nước đối với các cơ sở GDMN; cách tuyên truyền vận động toàn dân tham gia hỗ trợ các cơ sở GDMN.
- Thời gian tư vấn: 1 buổi.
- Tài liệu cần chuẩn bị phần nội dung về vị trí vai trò của GDMN đối với sự phát triển KT – XH của đất nước; các loại hình cơ sở GDMN được quy định trong Luật Giáo dục; về công tác xã hội hoá GDMN; “Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2010 – 2015”;

Để tiết kiệm thời gian, chuẩn bị cho buổi tư vấn, bạn có thể phát cho mỗi cán bộ Hội khuyến học một bộ tài liệu, đề nghị họ nghiên cứu và tìm hiểu vấn đề mà họ cần được tư vấn. Trong khi tư vấn bạn đưa ra các câu hỏi để tìm hiểu xem các đối tượng được tư vấn đã nắm được những gì về vấn đề đó. Bạn bổ sung thêm và mô tả chính xác những điều mà họ còn thiếu, cần biết, cần được tư vấn.

- Phương pháp: Nếu số lượng ít (1 – 3 người) thì sẽ sử dụng phương pháp tọa đàm cá nhân/nhóm nhỏ dưới hình thức tư vấn trực tiếp. Nếu số lượng đông thì có thể sử dụng phương pháp thảo luận nhóm dưới hình thức tư vấn nhóm.

Ví dụ về cách tuyên truyền vận động toàn dân tham gia hỗ trợ các cơ sở GDMN (thông qua hình thức tuyên truyền tại nhà hoặc các buổi họp thôn bản, phối hợp với chính quyền, đoàn thể tại địa phương nhằm đạt hiệu quả thiết thực và phù hợp với phong tục, tập quán).

Tổ chức một buổi họp thôn bản nhằm tuyên truyền vận động toàn dân tham gia hỗ trợ các cơ sở GDMN về vật chất và tinh thần.

Cán bộ Hội Khuyến học tự giới thiệu (mình là ai, thuộc tổ chức nào, lí do tổ chức buổi họp thôn bản,...).

Tạo không khí thân mật, gần gũi giữa người nói và người nghe.

Đề nghị mọi người tham gia cuộc họp cho ý kiến về:

- Vai trò của cơ sở GDMN tại địa phương đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của thôn bản?
- Về những hạn chế, khó khăn của cơ sở mầm non (điều kiện cơ sở vật chất,

quy mô đáp ứng nhu cầu trẻ đến trường, số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ giáo viên, việc thực hiện chế độ chính sách của Nhà nước đối với cơ sở GDMN, đối với trẻ em, đối với cán bộ giáo viên,...).

- *Về những biện pháp khả thi, những đóng góp mà người dân thôn bản có thể hỗ trợ cho GDMN địa phương*

Tùy từng trường hợp, lựa chọn các nội dung phù hợp với hoàn cảnh để tuyên truyền giải thích: về chủ trương chính sách của Nhà nước đối với các cơ sở GDMN; về quyền của trẻ em được học hành, được phát triển; về vai trò trách nhiệm của xã hội trong công tác phối hợp với nhà trường và gia đình nhằm thực hiện quyền của trẻ em và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ,...

Cuối buổi họp nên nhắc lại và nhấn mạnh đến một số vấn đề chính đã được mọi người thống nhất trong cuộc họp (các biện pháp khả thi, những đóng góp mà người dân thôn bản có thể hỗ trợ cho GDMN địa phương). Hoạt động tiếp theo thực hiện sự thống nhất đó sẽ do lãnh đạo thôn chịu trách nhiệm tổ chức và kịp thời báo cáo kết quả lên Hội khuyến học xã/ phường.

Lưu ý: Trong lúc tư vấn cho các đối tượng, kỹ năng cần thiết nhất, quan trọng nhất là kỹ năng lắng nghe. Bạn không nên phê bình, chỉ trích, đánh giá đối tượng trong suốt buổi nói chuyện, mà nên lắng nghe và chia sẻ ý kiến của họ. Nếu bạn cảm thấy vấn đề mà đối tượng đưa ra vượt quá khả năng của mình thì đừng bao giờ cố đưa ra những lời giải thích một cách đơn giản, dễ dàng hoá vấn đề. Nếu không đưa ra được lời giải thích phù hợp thì bạn nên nhanh chóng tìm tới sự giúp đỡ của Ban giám hiệu, các bạn đồng nghiệp, các chuyên gia để có cách xử lý tình huống phù hợp nhất.

3. Ví dụ về hoạt động thực tế tại một địa phương

MỘT SỐ KINH NGHIỆM

Phối hợp với các tổ chức xã hội nhằm phát triển GDMN tại tỉnh Hoà Bình.

Tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ học kì I năm học 2011 – 2012 của ngành học GDMN, Sở GD&ĐT Hoà Bình, phòng GDMN đã có một số kinh nghiệm trong việc phối hợp với các tổ chức xã hội nhằm phát triển GDMN của địa phương, cụ thể như sau:

1) Nội dung phối hợp với các tổ chức xã hội

* Đối với Hội Liên hiệp Phụ nữ

- Tham gia ý kiến với Hội đồng giáo dục; Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, chống mù chữ nói chung và Ban chỉ đạo GDMN nói riêng; Ban chỉ đạo xây dựng trường chuẩn quốc gia; Ban chỉ đạo các Hội thi; Ban chỉ đạo phòng chống suy dinh dưỡng; Ban chỉ đạo đề án 5 triệu bà mẹ ...
- Thực hiện vận động hội viên có con trong độ tuổi đưa con đến trường và đóng góp cho con ăn tại trường.
- Tổ chức hướng dẫn phương pháp nuôi dạy con theo khoa học: cách chế biến món ăn đủ chất dinh dưỡng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thực hiện thao tác chăm sóc vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường sống cho trẻ.
- Hướng dẫn cha mẹ chuẩn bị các vấn đề cho trẻ chuẩn bị đi học: Kỹ năng tự chăm sóc bản thân, kỹ năng sử dụng tiếng Việt, kỹ năng đọc viết, kỹ năng làm quen với toán, kỹ năng xã hội...
- Phối hợp với nhà trường trong việc lựa chọn, sưu tầm nội dung, học liệu, làm đồ dùng phục vụ cho việc thực hiện chương trình GDMN theo chủ đề.
- Vận động các doanh nghiệp, cá nhân ủng hộ trường mầm non xây dựng trường chuẩn quốc gia: Vật liệu, ngày công san lấp mặt bằng, ủng hộ cây cảnh, cây hoa.
- Tham gia lao động, tham gia làm vườn rau sạch của trường mầm non.

* Đối với Hội Khuyến học

- Tham gia thành viên Hội đồng giáo dục các cấp.
- Vận động nguồn lực chăm lo cho đến những đối tượng giáo viên, học sinh khó khăn nhưng vượt khó để có kết quả dạy – học cao.
- Vận động các tổ chức, cá nhân xây dựng xã hội học tập; Tư vấn về các vấn đề liên quan đến phát triển giáo dục ở đại phương.
- Tham gia tặng quà, tặng tiền, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích cao.

* *Đối với Mặt trận Tổ quốc*

- Tham gia ý kiến phát triển giáo dục với Hội đồng Nhân dân các cấp.
- Là thành viên trong Ban Văn hoá – xã hội của tỉnh, tham gia giám sát các hoạt động giáo dục phản ánh với Tỉnh uỷ, Hội đồng Nhân dân, UBND và với sở, ngành liên quan.

* *Đối với Đoàn Thanh niên*

- Phối hợp quan tâm đến hoạt động, thực hiện các chính sách cho thiếu niên, nhi đồng.
- Phối hợp tổ chức ngày lễ, tết và ngày công theo đề xuất của giáo dục.

2) Kết quả đạt được

Các chính sách của tỉnh về giáo dục được quan tâm thực hiện như: giáo viên mầm non được hưởng lương theo ngạch bậc và tăng lương theo định kỳ.

Các hoạt động giáo dục được phát triển mạnh: như tỉ lệ huy động trẻ em đến trường cao (42% tuổi 0 – 2 tuổi; 97% trẻ 3 – 5 tuổi), trẻ được ăn bán trú (5 tuổi 100%, trên 98% trẻ 0 – 2 tuổi, 82% tuổi 3 – 5 tuổi); Tỉ lệ suy dinh dưỡng giảm ở dưới 7%.

Cơ sở vật chất, thiết bị được quan tâm đầu tư khang trang, sạch đẹp đến vùng sâu, vùng khó khăn. Nhiều nhà trường có môi trường xanh – sạch – đẹp.

Trường chuẩn quốc gia tăng 5 trường trong năm học 2011 – 2012.

Nhận thức của các ngành các cấp về giáo dục rất tốt, vì vậy đã ủng hộ phát triển giáo dục một cách có trách nhiệm, tập trung trí tuệ.

3) Bài học kinh nghiệm

- Các hoạt động trọng tâm của giáo dục mầm non cần có sự tham gia chính thức của các tổ chức xã hội.
- Phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với từng tổ chức xã hội.
- Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người đứng đầu các tổ chức xã hội về giáo dục mầm non, mời họ tham gia vào các hoạt động kiểm tra, giám sát cơ sở GDMN để họ hiểu, góp tiếng nói chung với ngành giáo dục đưa ra những đề xuất về những vấn đề cấp bách, những vấn đề thúc đẩy giáo dục mầm non phát triển.



D. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

Nếu bạn nắm được mục tiêu, nội dung, phương pháp tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội, bạn có cơ sở lập kế hoạch tư vấn có hiệu quả. Để có được kết quả đó, bạn cần biết cách tự nghiên cứu các nội dung trong module nhằm định hướng công tác tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội tại địa phương, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Bài tập tự đánh giá

Bạn hãy đánh dấu x vào những ô thích hợp ở bảng sau theo cách lựa chọn phù hợp với ý kiến của bạn về những nội dung trong module.

Nếu ý kiến đánh giá của bạn là “chưa đủ”, bạn hãy trao đổi với đồng nghiệp và ghi những điều cần bổ sung vào vở học tập.

TT	Nội dung	Đầy đủ	Chưa đủ
1	Mục tiêu module		
2	Thời gian		
3	Nội dung module 1) Vai trò, trách nhiệm của các tổ chức xã hội đối với sự phát triển GDMN		
	2) Mục tiêu tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội		
	3) Nội dung tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội		
	4) Phương pháp và hình thức tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội		
	5) Thực hành tư vấn về GDMN cho các tổ chức xã hội		

PHỤ LỤC TÀI LIỆU BỔ SUNG

1. Các nhóm quyền trẻ em được quy định trong Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em.
2. Bốn nhóm quyền trẻ em trong Công ước Quốc tế được chia nhỏ hơn thành 10 nhóm cụ thể trong Luật Bảo vệ, Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em năm 2004:
 - Quyền được khai sinh và có quốc tịch (Điều 11).
 - Quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng (Điều 12).
 - Quyền được chung sống với cha mẹ (Điều 13).
 - Quyền được tôn trọng, bảo vệ tính mạng, thân thể, nhân phẩm và danh dự (Điều 14).
 - Quyền được chăm sóc sức khoẻ (Điều 15).
 - Quyền được học tập (Điều 16).
 - Quyền vui chơi, giải trí, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch (Điều 17).
 - Quyền được phát triển năng khiếu (Điều 18).
 - Quyền có tài sản (Điều 19).
 - Quyền được tiếp cận thông tin, bày tỏ ý kiến và tham gia hoạt động xã hội (Điều 20).
3. Một số văn bản quy định về chính sách nhằm phát triển GDMN

Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia

Ngày 26/12/2001 Bộ trưởng Bộ GD&ĐT đã có Quyết định số 45/2001/QĐ-BGD&ĐT về việc công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2001–2005, và để phù hợp với phát triển của ngành học trong giai đoạn mới, ngày 16/7/2008 Quyết định Ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia số 36/2008/QĐ-BGD&ĐT ra đời thay thế cho quyết định 45/2001/QĐ-BGD&ĐT với 5 tiêu

chuẩn quan trọng nhằm xây dựng hoàn thiện mô hình trường mầm non với các điều kiện chất lượng phù hợp với giai đoạn phát triển hiện tại.

Quyết định này đã thu hút sự quan tâm của lãnh đạo chính quyền các cấp đối với tất cả các cơ sở mầm non, tạo nên hoạt động thi đua sôi nổi, tích cực giữa các tỉnh và giữa các trường tại tất cả các loại hình trong việc đầu tư nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng công tác của đội ngũ CBQL, GVMN.

Thông tư số 07/2011/TT-BGDĐT về Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non MN của Bộ GD&ĐT (có hiệu lực từ ngày 3/4/2011)

Ngày 17 tháng 02 năm 2011 Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 07/2011/TT-BGDĐT về quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường mầm non. Theo đó, các trường mầm non sẽ được đánh giá chất lượng thông qua 5 tiêu chuẩn sau:

- Tiêu chuẩn về tổ chức và quản lý nhà trường.
- Tiêu chuẩn cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.
- Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất.
- Tiêu chuẩn về quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.
- Tiêu chuẩn về kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ.

Đây là công cụ để trường mầm non tự đánh giá nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và công khai với xã hội về thực trạng CLGD của trường; giúp cơ quan có thẩm quyền đánh giá, công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT về Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non (có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2011)

Bộ GD&ĐT ban hành Thông tư số 17/2011/TT-BGDĐT về Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường mầm non, áp dụng đối với hiệu trưởng trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Để đạt chuẩn, hiệu trưởng trường mầm non phải đáp ứng được 4 tiêu chuẩn bao gồm: Phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; Năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm; Năng lực quản lý trường mầm non;

Năng lực tổ chức phối hợp với gia đình trẻ, cộng đồng và xã hội. Bốn tiêu chuẩn này được cụ thể hoá bằng 19 tiêu chí với thang điểm tối đa là 190 điểm.

Chuẩn hiệu trưởng là căn cứ để hiệu trưởng tự đánh giá và tự xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, học tập, rèn luyện nhằm không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm; năng lực lãnh đạo, quản lý nhà trường mầm non và năng lực tổ chức, phối hợp với gia đình trẻ và xã hội; Làm căn cứ để cơ quan quản lý giáo dục đánh giá, xếp loại hiệu trưởng phục vụ công tác sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và đề xuất, thực hiện chế độ, chính sách đối với hiệu trưởng; Làm căn cứ để các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của hiệu trưởng.

4. Thực trạng công tác xã hội hoá giáo dục mầm non tại địa phương

4.1. Một số vấn đề về xã hội hoá giáo dục mầm non

Khái niệm xã hội hoá giáo dục được dùng trong nhiều lĩnh vực, với nhiều ý nghĩa, ở đây chúng ta hiểu khái niệm *xã hội hoá giáo dục* với nghĩa phổ biến nhất là lôi cuốn toàn xã hội làm giáo dục, tất cả cho giáo dục và giáo dục cho mọi người.

Xã hội hoá giáo dục là xây dựng cộng đồng trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân, tạo ra nhiều nguồn lực để làm giáo dục, mở ra con đường làm giáo dục không chỉ thuần túy ở trong nhà trường mà phải kết hợp các lực lượng giáo dục: nhà trường, gia đình, xã hội để tạo ra môi trường giáo dục tốt nhất, thuận lợi cho việc thực hiện các mục tiêu giáo dục.

Xã hội hoá giáo dục là sự đa dạng hoá các hình thức giáo dục, các loại trường lớp, mở rộng các cơ hội học tập và tham gia chủ động, bình đẳng vào sự nghiệp phát triển giáo dục.

Từ cách hiểu như trên cho thấy, xã hội hoá sự nghiệp giáo dục là tư tưởng mang tầm chiến lược lâu dài của Đảng và Nhà nước. *Công bằng ở đây phải hiểu cả về mặt hưởng thụ lẫn sự cống hiến, đóng góp cho giáo dục, cho xã hội* theo khả năng thực tế của người dân, của từng địa

phương và của cả cộng đồng. Hiểu như thế càng cho thấy *xã hội hoá không có nghĩa là giảm nhẹ mà là tăng cường chức năng quản lý của Nhà nước*, và từ đây đặt ra vấn đề đòi hỏi Nhà nước phải đổi mới cơ chế quản lý theo hướng dân chủ hoá bằng hệ thống chính sách, văn bản pháp quy phù hợp đảm bảo cho giáo dục phát triển theo đúng định hướng XHCN.

Giáo dục mầm non là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, được Luật Giáo dục quy định về mục tiêu, nội dung, phương pháp CS-GD, nhưng lại chưa mang tính bắt buộc. Do đó, kết quả phát triển GDMN ở địa phương và chất lượng thực hiện các hoạt động giáo dục trong các cơ sở GDMN phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức và hành động của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền từ Trung ương đến địa phương, của cộng đồng, tổ chức xã hội, của cha mẹ trẻ về vai trò của GDMN đối với sự phát triển nguồn nhân lực. Đồng thời còn phụ thuộc vào tình hình phát triển KT-XH của chính địa phương đó. Vì vậy, quán triệt đúng đắn chủ trương XHH giáo dục nói chung, XHHGDMN nói riêng là vấn đề sống còn để tiếp tục phát triển GDMN đáp ứng yêu cầu mới của bậc học.

4.2. Kinh nghiệm thực hiện công tác XHHGDMN

Kinh nghiệm cho thấy, việc xây dựng cộng đồng trách nhiệm và triển khai có hiệu quả các hoạt động phối hợp giữa nhà trường – gia đình – các tổ chức xã hội ở địa phương là thu hút toàn dân tham gia vào công tác CS – GD trẻ, góp phần nâng cao chất lượng công tác bảo vệ – chăm sóc – giáo dục trẻ em, phát triển GDMN, thực hiện tốt công tác XHHGDMN tại cộng đồng. Công tác vận động, tuyên truyền về vai trò GDMN và phổ biến kiến thức nuôi dạy con theo khoa học được đẩy mạnh, được thực hiện sâu rộng đến từng gia đình, cộng đồng, xã hội là cách làm xã hội hoá phù hợp, có hiệu quả đối với GDMN.

Thực tế cho thấy: những nơi Đảng bộ cơ sở quan tâm, có chủ trương đúng, cùng với đó là sự phối hợp chỉ đạo triển khai chặt chẽ, kịp thời của lãnh đạo chính quyền các cấp trên nguyên tắc: bàn bạc công khai, tập trung dân chủ, với phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" thì công tác xã hội hoá GDMN ở nơi đó đạt kết quả tốt. Những địa phương có phong trào XHHGDMN đạt kết quả tốt là những nơi, mà ở đó

hàng năm Đại hội giáo dục các cấp, đặc biệt Đại hội giáo dục cấp xã được địa phương chú ý, quan tâm tổ chức.

Để thực hiện XHHGDMN thuận lợi, trước hết bản thân các cơ sở GDMN phải có trách nhiệm triển khai các hoạt động giáo dục có chất lượng và chủ động thực hiện tốt các nhiệm vụ CS – GD trẻ trong nhà trường. Uy tín và chất lượng của trường mầm non ngày càng được nâng lên là động lực thúc đẩy thực hiện tốt công tác XHHGDMN ở địa phương.

Chính sách phát triển GDMN, chính sách đãi ngộ đối với giáo viên MN ở địa phương thích hợp sẽ là nguồn động viên, khuyến khích, giáo viên trong các cơ sở GDMN không ngừng tham gia tích cực vào công tác tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn và đẩy mạnh chất lượng CS – GD, giảng dạy trong nhà trường.

Nguồn ngân sách (dù không lớn) của nhà nước đối với GDMN ngoài công lập là đòn bẩy tinh thần khuyến khích mọi người dân phấn khởi cùng tham gia vào sự nghiệp phát triển GDMN ở địa phương.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam – năm 1992.
2. Hồ Chí Minh, *Nói chuyện về nhiệm vụ giáo dục thiếu niên nhi đồng, ngày 12.12.1959*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1960.
3. Quốc hội nước CHXNCN Việt Nam, *Luật Giáo dục*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2005.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chỉ thị về công tác tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác giáo dục trẻ em, học sinh, sinh viên*, 2008.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình Giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2009.
6. Quyết định số 149/2006/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2006 phê duyệt Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2006 – 2015.
7. Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 9 tháng 2 năm 2010 phê duyệt Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010 – 2015.
8. Nghị quyết của Chính phủ số 05/2005/NQ-CP về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao.
9. Thông tư liên tịch số 29/2011/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/7/2011 Hướng dẫn thực hiện chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em 5 tuổi.
10. *Phương pháp kĩ luật tích cực*, Tổ chức PLAN tại Việt Nam, 2009.
11. *Kĩ năng tham vấn cho người chưa thành niên vi phạm pháp luật*, GS.TS. Trần Thị Minh Đức, 2010.
12. *Tài liệu tập huấn lớp đào tạo giảng viên về công tác tham vấn*, Hà Nội 2002, Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em Việt Nam, UNICEF.
13. Viện Nghiên cứu Trẻ em trước tuổi học – Bộ GD&ĐT, *Sổ tay huấn luyện dùng cho báo cáo viên cơ sở*, Hà Nội, 1993.
14. Webtretho.